TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:439/2023/DS-PT
Ngày: 20-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Uẩn.

*Các Thẩm phán:*1. Bà Huỳnh Thị Phượng;

2. Ông Nguyễn Thiện Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 336/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 648/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trần Thị N**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- **Ông Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1978;

- **Bà Võ Thị Tuyết N1**, sinh năm: 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh T và bà Võ Thị Tuyết N1.

(*Bà N2, bà N1 có mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Vào ngày 04/02/2023, theo sự giới thiệu của bà Trần Thị T1, bà Võ Thị Tuyết N1 nói cần vay tiền để mua dầu đổ máy cắt lúa, nên bà N cho bà N1 vay 100.000.000 đồng, có ký giấy vay, thời hạn vay 01 tháng tính từ ngày 04/02/2023, thỏa thuận miệng tiền lãi 2.000.000 đồng/tháng. Từ khi vay tiền đến nay bà N1 trả lãi cho bà N được 3.000.000 đồng, ngoài ra chưa trả khoản nợ gốc nào. Vì tin tưởng nên bà N cho bà N1 vay tiền mà không yêu cầu ông T ký trong biên nhận vay. Sau đó ông T có hỏi và được bà N thông báo cho biết về việc bà N1 có vay tiền của bà.

Theo đơn khởi kiện ban đầu bà yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Thanh T liên đới trả nợ gốc 100.000.000 đồng, sau đó bà có đơn bổ sung yêu cầu trả lãi 3.500.000 đồng, sau đó bà đã rút lại yêu cầu này. Nay bà N1 xác định chỉ yêu cầu bà N1 và ông T trả nợ gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Không đồng ý cho trả dần.

Bị đơn bà Võ Thị Tuyết N1 trình bày:

Bà Võ Thị Tuyết N1 nhờ bà Trần Thị T1 biết ai cho vay tiền giới thiệu cho bà N1 vay chứ không nói vay tiền để mua dầu cắt lúa, được bà T1 giới thiệu nên ngày 04/02/2023 bà N1 có vay của bà N 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Bà N1 chỉ đồng ý một mình trả nợ cho bà N, không đồng ý ông T liên đới cùng trả vì mục đích vay để đưa bà Trần Thị Kim L (bà L nhờ bà N1 đi vay giùm). Bà N1 và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng hợp pháp, tuy nhiên bà N1 không sử dụng số tiền trên để mua dầu đổ máy cắt lúa, khi vay tiền thì ông T không biết và không ký trong biên nhận. Nay hoàn cảnh khó khăn nên bà N1 xin được trả dần mỗi vụ lúa 30.000.000 đồng.

Từ khi vay tiền đến nay bà N1 đã trả lãi cho bà N 3.000.000 đồng, nay không có ý kiến yêu cầu gì về số tiền lãi đã trả.

Về việc bà N1 vay tiền giùm cho bà L thì bà L có làm giấy biên nhận mượn tiền bà N1, hai bên không tranh chấp trong vụ án này, sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T có lời khai: Ông T có bản tự khai trình bày giữa ông T và bà Võ Thị Tuyết N1 là vợ chồng. Tuy nhiên ông T không đồng ý liên đới cùng bà N1 trả 100.000.000 đồng cho bà N vì bà N1 vay tiền giùm cho người ta chứ không đem số tiền trên về dùng vào việc làm ăn, chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, biên nhận nợ cũng chỉ một mình bà N1 ký, ông T không hề hay biết về việc bà N1 vay tiền của bà N.

Người làm chúng bà Trần Thị T1 trình bày: Bà T1 với bà N là chị em ruột, bà T1 với bà N1 là bạn bè quen biết, trước đây bà N1 có vay tiền của bà T1 02 lần và đã trả xong. Vào đầu năm 2023 bà N1 có hỏi bà có biết ai cho vay tiền giới thiệu cho bà N1 vay về mua dầu cắt lúa, nhà bà N1 có máy gặt đập liên hợp. Vì thấy bà N1 uy tín nên bà đã giới thiệu cho bà N để bà N cho bà N1 vay tiền. Ngoài ra, bà T1 có chứng kiến (nhưng không nhớ ngày, tháng) về việc ông T có gặp bà N hỏi thăm về việc bà N1 vay tiền của bà N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 17/8/2023, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã tuyên xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Võ Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Võ Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc tranh chấp tiền lãi vay với bà Võ Thị Tuyết N1, ông Nguyễn Thanh T.

3. Về án phí: Bà bà Võ Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Thanh T phải liên đới nộp 5.000.000 đồng án phí sơ thẩm. Bà Trần Thị N không phải nộp án phí, hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000929 ngày 04/4/2023 và 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000992 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

Bản án còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo và yêu cầu thi hành án.

Ngày 22/8/2023, bị đơn, ông Trần Thanh T2 và bà Võ Thị Tuyết N1 kháng cáo không đồng ý Bản án sơ thẩm. Ông T2 kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà N1 để trả cho bà N 100.000.000 đồng. Bà N1 kháng cáo, yêu cầu một mình bà trả nợ cho bà N, đồng thời yêu cầu xin trả dần 03 vụ lúa, mỗi vụ lúa 30.000.000 đồng, bắt đầu trả vào vụ hè thu năm 2023 cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng qui định về thủ tục tố tụng. Kháng cáo của bà Huỳnh Thị Cẩm N3 trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung: Bà Nguyệt khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T2 và bà N1 liên đới trả số tiền nợ vay 100.000.000 đồng, căn cứ giấy vay tiền ngày 04/02/2023 thời hạn vay 01 tháng, có chữ ký nhận của bà N1, bà N1 thừa nhận có vay số tiền này, số tiền này bà N1 vay trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình và các Điều 288, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự buộc bà N1 và ông T2 cùng liên đới trả nợ cho bà N là có cơ sở. Về việc bị đơn xin trả dần nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên cần buộc bị đơn thanh toán nợ như yêu cầu của nguyên đơn.

Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh T2 và bà Võ Thị Tuyết N1, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T và bà Võ Thị Tuyết N1 được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Nguyễn Thanh T là người kháng cáo, có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N: Bà Nguyệt khởi kiện yêu cầu Võ Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Thanh T liên đới trả cho bà 100.000.000 đồng do bà N1 vay trong thời kỳ hôn nhân, không yêu cầu tính lãi.

[4] Bản án sơ thẩm tuyên xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Võ Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Thanh T. Buộc bà Võ Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

[5] Ông Nguyễn Thanh T kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà N1 để trả cho bà N 100.000.000 đồng. Bà Võ Thị Tuyết N1 kháng cáo, yêu cầu một mình bà trả nợ cho bà N, đồng thời yêu cầu xin trả dần 03 vụ lúa, mỗi vụ lúa 30.000.000 đồng, bắt đầu trả vào vụ hè thu năm 2023 cho đến khi hết nợ.

[6] Điều Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng: 1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại

diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này. 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

[7] Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; 3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; 4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình; 5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường; 6. Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan.

[8] Xét thấy số tiền trên bà N1 vay trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Thanh T. Người làm chứng bà Trần Thị T1 là người giới thiệu bà N1 vay tiền của bà N có xác nhận khi vay tiền bà N1 nói vay để mua dầu chạy máy cắt lúa, lời trình bày này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn bà N. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 288 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà N1 và ông T liên đới trả nợ vay là có cơ sở. Ông T, bà N1 cho rằng vay 100.000.000 đồng của bà N là vay giùm cho bà Trần Thị Kim L, có giấy biên nhận nợ của bà L với bà N1. Xét thấy giao dịch vay tiền giữa bà L và bà N1 là giao dịch độc lập, bà L có làm giấy biên nhận nợ với bà N1 450.000.000 đồng, nội dung giấy biên nhận nêu trên thể hiện ngày bà L mượn tiền của bà N1 là ngày 20/6/2022, như vậy là trước thời điểm bà N1 vay tiền bà N (vay ngày 04/02/2023). Do đó, lời trình bày của bị đơn không có cơ sở xem xét. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T và bà N.

[9] Về yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Tuyết N1 yêu cầu xin được trả dần không được phía nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà N.

[10] Các khoản khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp sơ thẩm không xem xét.

[11] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T và bà Võ Thị Tuyết N1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Võ Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Võ Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị N số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc tranh chấp tiền lãi vay với bà Võ Thị Tuyết N1, ông Nguyễn Thanh T.

3. Về án phí: Bà bà Võ Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Thanh T phải liên đới nộp 5.000.000 đồng án phí sơ thẩm. Bà Trần Thị N không phải nộp án phí, hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000929 ngày 04/4/2023 và 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000992 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000197 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà Võ Thị Tuyết N1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000196 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Thanh T và bà Võ Thị Cẩm N4 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện

thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Lưu Văn Uẩn